TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ SƠN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 tháng 9 năm 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ SƠN, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vi Thị Khuyên.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Vi Thị Khiểu;
2. Ông Trần Thanh Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*:** Ông Và Bá Của - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2023/TLST-HNGD ngày 16 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-DS ngày 29/8/2023:

- *Nguyên đơn:* Chị Lô Thị N, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện nay: Bản C, xã C, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lương Văn C, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (Không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lô Thị N vắng mặt, tuy nhiên theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị N trình bày:

Về quan hệ tình cảm: Chị và anh Lương Văn C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, không đăng ký kết hôn tại UBND xã, thị trấn mà chỉ tổ chức lễ cưới, mời hai họ, anh em tới dự lễ cưới theo phong tục của đồng bào dân tộc tại địa phương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau giữa chị và anh

Lương Văn C bắt đầu xảy ra mẫu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách hai bên không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị và anh Lương Văn C đã ly thân từ năm 2022. Nay chị không còn tình cảm với anh Lương Văn C nên không muốn tiếp tục chung sống đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố chị và anh Lương Văn C không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Cáng có 02 con chung là cháu Lương Thị Ngọc V, sinh ngày 19/01/2013 và cháu Lương Thị Ngọc H, sinh ngày 15/3/2016. Nay ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, không yêu cầu anh Cáng cấp dưỡng.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, qua xác minh anh Lương Văn C thường xuyên vắng mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì không ai biết, anh Lương Văn C cũng không khai báo với chính quyền địa phương về việc thay đổi nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã T và tại bản C, xã T, huyện K, tỉnh Nghệ An là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Lương Văn C vẫn vắng mặt, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định tại Điều 204, 207, 208 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự từ Điều 239 đến Điều 260 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử: Về quan hệ tình cảm: Không công nhận chị Lô Thị N và anh Lương Văn C là vợ chồng; về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lương Thị Ngọc V, sinh ngày 19/01/2013 và

cháu Lương Thị Ngọc H, sinh ngày 15/3/2016 cho chị Lô Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lương Văn C do chị Lô Thị N không yêu cầu; về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Lô Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Nguyên đơn chị Lô Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lô Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Lương Văn C là vợ chồng, có địa chỉ cư trú tại xã T, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An. Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về "Tranh chấp về nuôi con của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kỳ Sơn theo quy định tại khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lô Thị N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không chấp hành các quyết định của Tòa án, gây khó khăn cho công tác điều tra, thu thập chứng cứ. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tống đạt cho đương sự hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 207 và Điều 227 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ tình cảm: Chị Lô Thị N và anh Lương Văn C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nên theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa chị Lô Thị N và anh Lương Văn C không làm phát sinh quyền nghĩa vụ của vợ và chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì giữa hai người phát sinh nhiều nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị N và anh Cáng đã sống ly thân từ năm 2022. Hiện nay chị Lô Thị N không còn tình cảm với anh Lương Văn C, không muốn tiếp tục duy trì cuộc sống chung. Xét thấy, việc chung sống, thời gian chung sống giữa chị N và anh Cáng là đúng thực tế, nay có bên yêu cầu ly hôn nên căn cứ các Điều 9, 14 và Điều

53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố chị Lô Thị N và anh Lương Văn C không phải là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Chị Lô Thị N và anh Lô Văn Cáng có 02 con chung là cháu Lương Thị Ngọc V, sinh ngày 19/01/2013 và cháu Lương Thị Ngọc H, sinh ngày 15/3/2016. Nay ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Xét thấy, con chung có nguyện vọng ở với chị Lô Thị N, bên cạnh đó hiện nay anh Cáng thường xuyên vắng mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì không ai biết, nên việc giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con. Vì vậy, cần giao con chung là cháu Lương Thị Ngọc V, sinh ngày 19/01/2013 và cháu Lương Thị Ngọc H, sinh ngày 15/3/2016 cho chị Lô Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp, đúng quy định, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Do chị Lô Thị N không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng đối với anh Lương Văn C. Trường hợp Chị N nuôi con không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà anh Cáng có căn cứ chứng minh thì có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh Cáng lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Cáng.

[3.3] Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Nguyên đơn chị Lô Thị N không yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lô Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lô Thị N.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Lô Thị N và anh Lương Văn C là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lương Thị Ngọc V, sinh ngày 19/01/2013 và cháu Lương Thị Ngọc H, sinh ngày 15/3/2016 cho chị Lô Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Lương Văn C do chị Lô Thị N không yêu cầu. Anh Lương Văn C có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị N là người trực tiếp nuôi con chung không đảm bảo quyền, lợi ích của con mà anh Cáng có căn cứ chứng minh thì anh Cáng có quyền yêu cầu Tòa án xem xét, thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp anh Cáng lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Cáng.

3. Về án phí: Chị Lô Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0004340 ngày 16/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An (Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Kỳ Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kỳ Sơn;
- Lưu hồ sơ; VP.TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Vi Thị Khuyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vi Thị Khiểu **Trần Thanh Vân** **Vi Thị Khuyên**